

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ - ST

Ngày 27 - 4 - 2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tý

Ông Phạm Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023; Thông báo về ngày mở phiên tòa số 06/TB – TA, ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1986 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lim Seong H, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: C, S – ri, S1 – myeon, Y – gun, C – do, K (Hàn Quốc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Vào năm 2004 qua tìm hiểu quen biết bà tự nguyện chung sống với ông Lim Seong H là công dân Hàn Quốc. Hai bên tiến đến đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 654, ngày 18/10/2004. Sau khi kết hôn bà và ông Lim Seong H về Hàn Quốc chung sống. Trong thời gian chung sống với chồng bà và chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn,

như bất đồng quan điểm sống, bất đồng ngôn ngữ. Do tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2009 bà trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay và không còn liên lạc với ông Lim Seong H. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, việc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không thể đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L Seong Hwan theo quy định pháp luật Việt Nam.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lim Seong H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông L Seong Hwan từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn D, để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng ông Lim S2 Hwan vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì để phản hồi đến Tòa án.

Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tiến hành đăng Thông báo thụ lý vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao; Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện N ở nước ngoài. Tòa án đã tiến hành thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 17, 18, 19/02/2023 (Kênh VOV5).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông L Seong Hwan theo quy định của pháp luật; Về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*

Nguyên đơn bà Trần Thị T, địa chỉ thường trú tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông L Seong Hwan là người nước

ngoài có quốc tịch Hàn Quốc và đang cư trú tại Hàn Quốc. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Lim Seong H có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lim Seong H đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn D, để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đến bị đơn ông Lim Seong H, do địa chỉ không đầy đủ. Nguyên đơn bà Trần Thị T không thể cung cấp đúng địa chỉ mới của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tiến hành đăng Thông báo thụ lý vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao; Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện N ở nước ngoài. Tòa án đã tiến hành thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 17, 18, 19/02/2023 (Kênh VOV5).

Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Lim Seong H.

Đối với nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Trần Thị T, theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Bà Trần Thị T và ông Lim Seong H chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Lim Seong H được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Sau khi kết hôn bà và ông Lim Seong H về Hàn Quốc chung sống. Trong thời gian chung sống với chồng bà Trần Thị T và chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, như bất đồng quan điểm sống, bất đồng ngôn ngữ. Do tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2009 bà Trần Thị T trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay và không còn liên lạc với ông Lim Seong H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Lim Seong H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử, căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lim Seong H.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà Trần Thị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về lệ phí ủy thác tư pháp*: Bà Trần Thị T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 470; Điều 474; Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Thông tư số 12/2016/TTLT – BTP – BNG - TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ N1 và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56 và Điều 122 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lim Seong H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị T đã nộp theo Biên lai thu số 0000145 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp bà Trần Thị T đã nộp theo Biên lai

thu tiền số 0000146 ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng